

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH B**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2022/HS-PT

Ngày: 20/6/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Thẩm phán: - Bà Hoàng Thị Hải Hương.

- Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Trong ngày 20/6/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/TLPT-HS ngày 20/01/2022 đối với bị cáo Lê Thị K T do có kháng cáo của bị cáo Lê Thị K T đối với bản án hình sự sơ thẩm số 115/2020/HSST ngày 22/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện LG, tỉnh B.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

Họ và tên: **Lê Thị K T**, Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nữ; Sinh năm 1968 tại huyện Thạch Hà, tỉnh HT; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Đảng, đoàn thể: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Tổ 8, thị trấn Đ A, huyện Đ A, TP HN; Nơi ở: Số 39, tổ 35, thị trấn Đ A, huyện Đ A, TP HN. Họ và tên bố: Lê Đình H, sinh năm 1922 (đã chết); Họ và tên mẹ: Lê Thị T, sinh năm 1943; Gia đình có 05 anh chị em, bị cáo là con thứ ba; Chồng: Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1963 (đã ly hôn); Con: Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 1989, con nhỏ sinh năm 2004. Tiền sự, tiền án: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 29/8/2019 đến ngày 16/01/2020 được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. (Có mặt tại phiên tòa).

*** Người tham gia tố tụng khác:** Vụ án còn có 565 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và 48 người làm chứng nhưng không liên quan đến kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 10 năm 2006, ông Dương Q Vượng, sinh năm 1957, trú tại phòng 8, nhà C7, tập thể Học viện Báo chí và Tuyên truyền, tổ 37, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố HN thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) một thành viên VP có địa chỉ tại số 18/301, đường Cầu Giấy, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố HN, lĩnh vực kinh doanh chính là khai thác khoáng sản. Tháng 9 năm 2007, ông V cùng với Lê Thị K T, sinh 1968, trú tại tổ 8, thị trấn Đ A, huyện Đ A, TP HN và anh Lê Đình Hòa, sinh 1966, trú tại số 39, tổ 35, thị trấn Đ A, huyện Đ A, TP HN (anh ruột T) góp cổ phần, chuyển đổi từ Công ty TNHH một thành viên VP thành Công ty cổ phần khoáng sản VP (Công ty VP) có địa chỉ tại số 30B, phố Đoàn Thị Điểm, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố HN do ông V làm Giám đốc- người đại diện theo pháp luật. T khai, 03 cổ đông góp vốn thực tế được khoảng 03 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là vốn của T để tiến hành các thủ tục xin cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản tại tỉnh CB.

Tháng 5 năm 2008, UBND tỉnh CB có văn bản đồng ý chủ trương cho Công ty VP khai thác 05 mỏ chì, kẽm tại tỉnh CB. Tiến hành khai thác thì trữ lượng mỏ ít, số vốn đã đầu tư không thu hồi được dẫn tới hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty gặp khó khăn. Tháng 6 năm 2008, T đề nghị ông V góp thêm vốn để tiếp tục đầu tư thăm dò, khai thác khoáng sản nhưng ông V không góp. T thay ông V làm Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT) và là người đại diện theo pháp luật của Công ty VP.

Tháng 9 năm 2008, T thành lập Chi nhánh Công ty VP tại tỉnh CB, địa chỉ tại tổ 22, phường Sông Bằng, thành phố CB, tỉnh CB do ông Hoàng Minh Dương, sinh năm 1951, trú tại tổ 12, phường Tân Giang, TP CB, tỉnh CB là người đứng đầu chi nhánh. Tháng 6 năm 2014, Công ty VP thay đổi địa chỉ về số nhà 23, ngõ 207/91, thôn Trung, phường Xuân Đình, quận Bắc Từ Liêm, thành phố HN. Tháng 9 năm 2014, Công ty VP thay đổi địa chỉ về số nhà 3, ngõ 68/91, đường Cầu Giấy, phường Quan Hoa, quận Cầu Giấy, TP HN. Tháng 8 năm 2015, Công ty VP thay đổi địa chỉ về số 39, tổ 35, thị trấn Đ A, huyện Đ A, thành phố HN. Tháng 2 năm 2016, Công ty VP thay đổi địa chỉ về thôn Yên Vinh, xã Yên Mỹ, huyện LG, tỉnh B.

Anh Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1964, trú tại phố Nguyên Khê, xã Nguyên Khê, huyện Đ A, thành phố HN là bạn T và là giám đốc Công ty TNHH kinh doanh Mai Phương (Công ty Mai Phương), địa chỉ tại tổ 6, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố HN, lĩnh vực kinh doanh chính là nhà nghỉ, ăn uống. Tháng 8 năm 2011, T thấy Công ty Mai Phương kinh doanh không hiệu quả, thời điểm này, Công ty VP đang thay đổi địa chỉ nên chưa được cấp đổi dấu công ty để đóng vào

các hóa đơn bán ra, T đề nghị và anh Q đã chuyển nhượng Công ty Mai Phương cho T, mục đích để T bán trái phép hóa đơn. Tháng 01 năm 2015, T chuyển nhượng Công ty Mai Phương cho bạn là chị Phạm Thị C, sinh năm 1968 trú tại tổ 16, thị trấn Đ A, huyện Đ A, thành phố HN để chị C kinh doanh nhà hàng ăn uống. Tháng 11 năm 2015, chị C chuyển nhượng lại Công ty Mai Phương cho T. Tháng 3 năm 2017, T chuyển nhượng Công ty Mai Phương cho anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1979 trú tại thôn Mỹ Hạ, xã Hữu Văn, huyện CM, thành phố HN để anh C kinh doanh. Toàn bộ việc chuyển nhượng Công ty Mai Phương nêu trên, bên chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng đều không mất chi phí chuyển nhượng.

T khai, từ tháng 6 năm 2008 đến hết năm 2013, T thuê chị Dương Thị Hải Yến, sinh khoảng năm 1985; chị Trang, sinh khoảng năm 1986; chị Giang, sinh khoảng năm 1985; chị Lê Thị Thắm, sinh khoảng năm 1985; anh Mạnh, sinh khoảng năm 1977 làm nhân viên kế toán cho Công ty VP, trả lương 05 triệu đồng/tháng cho họ. Từ tháng 8 năm 2011 đến hết năm 2013, T nhờ chị Giang, chị Thắm, anh Mạnh là những kế toán nêu trên của Công ty VP kê khai thuế cho Công ty Mai Phương, T không phải trả chi phí kê khai thuế. Năm 2014, T thuê Công ty TNHH tư vấn quản lý doanh nghiệp Kinh Bắc có địa chỉ tại khu Đoàn, xã Việt H, huyện Đ A, thành phố HN kê khai thuế cho Công ty Mai Phương với chi phí là 02 triệu đồng/tháng. Từ đầu năm 2014 đến hết năm 2015, T thuê Công ty TNHH tư vấn quản lý doanh nghiệp Kinh Bắc nêu trên kê khai thuế hàng tháng, hàng quý với chi phí là 02 triệu đồng/tháng; kiểm tra các hóa đơn, chứng từ, kê khai thuế năm cho Công ty VP với chi phí là 12 triệu đồng/năm. Từ tháng 01 năm 2016 đến tháng 10 năm 2018, T thuê anh Trần Văn Hưởng, sinh năm 1991 và chị Nguyễn Thị Lương, sinh năm 1990 đều ở thị trấn Đ A, HN; chị Lê Thị Thu, sinh năm 1994 và chị Bùi Thị Thu, sinh năm 1991 đều ở tỉnh Nghệ An; chị Mai Thu Thủy, sinh khoảng năm 1985 ở tỉnh B; chị T, sinh khoảng năm 1990 ở huyện Đ A, thành phố HN làm kế toán cho Công ty VP, trả lương 05 triệu đồng/tháng cho họ.

Khi có người liên hệ mua hóa đơn giá trị gia tăng (HĐ), T thỏa thuận giá bán HĐ/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên HĐ và đề nghị bên mua cung cấp tên công ty, địa chỉ, mã số thuế, số tài khoản, tên, số lượng, đơn giá hàng hóa, dịch vụ và tổng số tiền cần ghi trên HĐ. T trực tiếp viết hoặc nhờ kế toán viết nội dung vào các HĐ, T ký vào phần thủ trưởng đơn vị, đóng dấu công ty, dấu chức danh giám đốc vào các HĐ. T cung cấp thông tin và nhờ kế toán soạn thảo các hợp đồng nguyên tắc, hợp đồng kinh tế, hợp đồng mua bán hàng hóa, phiếu xuất kho hàng hóa, biên bản giao nhận hàng hóa, biên bản nghiệm thu khối lượng, biên bản đối chiếu công nợ, biên bản thanh lý hợp đồng, phiếu thu..., T ký, đóng dấu công ty, dấu chức danh để hoàn thiện chứng từ kèm theo HĐ giao cho người mua. Đối với HĐ có tổng số tiền ghi trên HĐ trên 20 triệu đồng, T cung cấp số tài khoản công ty của mình cho bên mua để họ chuyển số tiền tương ứng với số tiền ghi trên HĐ vào tài khoản. T trực tiếp đi giao dịch hoặc nhờ kế toán, người khác đi giao

dịch nộp tiền, chuyển tiền, rút tiền tại ngân hàng và rút toàn bộ số tiền bên mua đã chuyển khoản, trừ tiền bán HĐ, số tiền còn lại T mang theo cùng với HĐ và các chứng từ kèm theo đến các điểm hẹn giao cho bên mua. Đối với HĐ có tổng số tiền ghi trên HĐ dưới 20 triệu đồng, bên mua trả tiền mua HĐ trực tiếp cho T khi giao nhận HĐ.

T khai bán HĐ đầu ra của Công ty VP và Công ty Mai Phương thông qua một số đối tượng trung gian, trong đó có bán HĐ cho ông Dương Văn Tụ, sinh năm 1957 trú tại thôn Ấp Tó, xã Uy Nỗ, Đ A, thành phố HN; anh Bình, sinh khoảng năm 1986 ở huyện CM, TP HN; anh Dương, sinh khoảng năm 1977 ở khu vực cầu Vĩnh Tuy, thành phố HN; còn lại các đối tượng trung gian khác, do thời gian đã lâu, không có sổ sách ghi chép nên T không nhớ là những ai.

T khai, toàn bộ số HĐ bán ra của Công ty VP và Công ty Mai Phương, T bán với giá 5,5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên HĐ. Trong đó có 03 trường hợp T bán trái phép tổng số 11 HĐ với tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên HĐ là 599.834.604 đồng (viết tắt là HĐ/số tiền) của Công ty VP với giá 10%/ tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên HĐ cho 03 công ty gồm: Công ty TNHH bất động sản Q.land 01 HĐ/38.369.000 đồng, Học viện kỹ thuật mật mã 01 HĐ/79.860.000 đồng, Công ty cổ phần sản xuất và thương mại Hawee 09 HĐ/481.605.604 đồng. T khai mua HĐ đầu vào của ông Nguyễn Văn Tình, sinh năm 1966, trú tại thôn Đông Đoài, xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh; anh Nguyễn Ngọc Cương, sinh năm 1968, trú tại phòng 206, nhà A3, đường Nguyễn Chính, phường Tân Mai, quận Hoàng Mai, TP HN với giá 5%/tổng số tiền hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên HĐ và sử dụng HĐ bán ra của Công ty Mai Phương để kê khai HĐ mua vào cho Công ty VP và ngược lại (quay vòng HĐ).

Với cách thức mua, bán trái phép HĐ như đã nêu trên, trong thời gian từ tháng 9 năm 2007 đến tháng 10 năm 2018, Lê Thị K T đã có hành vi mua bán trái phép HĐ cụ thể như sau:

** Mua bán trái phép hóa đơn của Công ty VP*

Từ tháng 9 năm 2007 đến tháng 10 năm 2018: T đã bán ra trái phép 3.412 HĐ/190.630.187.054 đồng của Công ty VP cho 775 doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân (trong đó có 34 HĐ/2.873.176.266 đồng bán ra cho Công ty Mai Phương).

Từ tháng 11 năm 2007 đến tháng 12 năm 2017: T đã kê khai Công ty VP mua vào trái phép 674 HĐ/206.653.934.246 đồng (trong đó có 15 HĐ/268.460.000 đồng bán ra của Công ty Mai Phương) của 71 doanh nghiệp.

Tổng số tiền ghi trên HĐ bán ra (190.630.187.054 đồng) - Tổng số tiền ghi trên HĐ bán ra cho Công ty Mai Phương (2.873.176.266 đồng) - Tổng số tiền ghi trên HĐ bán ra với giá 10% (599.834.604 đồng) = 187.157.176.184 đồng x 5,5% = 10.293.644.690 đồng.

Tổng số tiền ghi trên HĐ bán ra với giá 10% là 599.834.604 đồng x 10% = 59.983.460 đồng.

Tổng cộng là 10.293.644.690 đồng + 59.834.460 đồng = 10.353.628.150 đồng.

Tổng số tiền ghi trên HĐ mua vào là 206.653.934.246 đồng x 5% = 10.332.696.712 đồng.

Tổng số tiền thu lợi từ việc mua bán trái phép hóa đơn của Công ty VP là: 10.353.628.150 đồng - 10.332.696.712 đồng = 20.931.438 đồng.

** Mua bán trái phép hóa đơn của Công ty Mai Phương*

Từ tháng 8 năm 2011 đến tháng 12 năm 2014 và từ tháng 11 năm 2015 đến tháng 3 năm 2017 (thời gian T làm giám đốc): T đã bán ra trái phép 683 HĐ/34.867.457.572 đồng của Công ty Mai Phương cho 191 doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân (trong đó có 15 HĐ/268.460.000 đồng bán ra cho Công ty VP).

Từ tháng 8 năm 2011 đến tháng 12 năm 2014 và từ tháng 11 năm 2015 đến tháng 3 năm 2017 (thời gian T làm giám đốc): T đã kê khai mua vào trái phép 139 HĐ/36.355.732.126 đồng của 22 doanh nghiệp (trong đó có 06 HĐ/15.415.566 đồng là HĐ bán ra của Công ty VP)

Tổng số tiền T thu lợi từ việc bán trái phép HĐ của Công ty Mai Phương là:

Tổng số tiền ghi trên HĐ bán ra (34.867.457.572 đồng) - Tổng số tiền bán ra cho Công ty VP (268.460.000 đồng) = 34.598.997.572 đồng x 5,5% = 1.902.944.866 đồng.

Tổng số tiền ghi trên HĐ mua vào 36.355.732.126 đồng x 5% = 1.817.786.606 đồng.

Tổng số tiền thu lợi từ việc mua bán trái phép hóa đơn của Công ty Mai Phương được tính như sau: Tổng số tiền ghi trên HĐ bán ra (1.902.944.866 đồng) - Tổng số tiền ghi trên HĐ mua vào (1.817.786.606 đồng) = 85.158.260 đồng.

Ngày 29/8/2019, Cơ quan điều tra đã khám xét nơi ở của Lê Thị K T, thu giữ 01 quyển phiếu thu, 01 quyển phiếu xuất kho và các báo cáo tình hình sử dụng HĐ kèm theo tờ khai thuế từ tháng 4 đến tháng 7 năm 2019 của Công ty VP. Quá trình điều tra, T giao nộp 01 dấu tròn của Công ty VP, 01 dấu chức danh "*Lê Thị K T Chủ tịch HĐQT*", 01 dấu "*Bán hàng qua điện thoại*", 82 quyển HĐ của Công ty VP, 976 HĐ mua vào, 90 chứng từ kèm theo của Công ty VP và 05 triệu đồng tiền thu lợi bất chính.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định 97 HĐ gồm 75 HĐ của Công ty VP, 22 HĐ của Công ty Mai Phương. Các kết luận giám định số 1281 ngày 06/8/2019, số 230 ngày 25/02/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận: Chữ ký mang tên Lê Thị K T ở mục thủ trưởng đơn vị trên 75 HĐ so với chữ ký của Lê Thị K T trên tài liệu thu mẫu chữ ký là do cùng một người ký ra; hình dấu tròn mang tên Công ty cổ phần khoáng sản VP trên 75 HĐ so với hình dấu tròn của Công ty cổ phần khoáng sản VP trên tài liệu thu mẫu dấu là do cùng một con dấu đóng ra; hình dấu chức danh nội dung "*Chủ tịch HĐQT Lê Thị K T*" trên 75 HĐ so với hình dấu chức danh có cùng nội dung trên tài liệu thu mẫu dấu là do cùng một con dấu đóng ra. Chữ ký mang tên Lê Thị K T ở mục "*Thủ trưởng đơn vị*" trên 22

HD so với chữ ký của Lê Thị K T trên tài liệu thu mẫu chữ ký là do cùng một người ký ra.

Xác minh tại 05 địa điểm đăng ký kinh doanh của Công ty VP và 02 địa điểm đăng ký kinh doanh Công ty Mai Phương xác định được cả 02 công ty đều không hoạt động sản xuất kinh doanh, không có hàng hoá, dịch vụ. Xác minh tại các cơ quan quản lý thuế đối với Công ty VP, xác định được, từ tháng 9 năm 2007 đến tháng 10 năm 2018, Công ty VP đã nộp tổng số tiền thuế là 347.795.546 đồng. Đến tháng 4 năm 2020, Công ty VP còn nợ 300.098.208 đồng tiền thuế do Cục thuế tỉnh B quản lý. Cục thuế tỉnh B đề nghị các cơ quan pháp luật để Cục thuế giải quyết số tiền Công ty VP còn nợ thuế theo quy định của ngành thuế. T đã chuyển nhượng lại Công ty Mai Phương cho người khác nên không xác minh về thuế. Số tiền còn có trong tài khoản ngân hàng của Công ty VP là 1.317.735 đồng, của Công ty Mai Phương là 938.750 đồng, do số tiền này không đáng kể nên Cơ quan điều tra không thu giữ hoặc phong tỏa tài khoản.

Quá trình điều tra, Lê Thị K T đã khai nhận hành vi phạm tội "*Mua bán trái phép hóa đơn*" như cáo trạng đã truy tố.

Cáo trạng số 52/CT-VKS ngày 27/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B đã truy tố bị cáo Lê Thị K T về tội "*Mua bán trái phép hóa đơn*" theo điểm d, đ khoản 2 Điều 203 của Bộ luật hình sự.

* Với nội dung trên bản án hình sự sơ thẩm số 115/2020/HSST ngày 22/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện LG, tỉnh B đã xét xử và quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Thị K T phạm tội "*Mua bán trái phép hóa đơn*".

Căn cứ điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt Lê Thị K T 13 (mười ba) tháng tù thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Nhưng được trừ thời gian đã bị tạm giam từ ngày 29/8/2019 đến ngày 16/01/2020.

Phạt tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng sung công quỹ Nhà nước.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự năm.

Tịch thu số tiền bị cáo Lê Thị K T thu lợi bất chính là **106.089.698** đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Xác nhận bị cáo đã nộp 5.000.000 đồng tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện LG. Bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền là **101.089.698** đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho các bị cáo.

Sau khi án sơ thẩm xử xong, ngày 28/12/2020 bị cáo Lê Thị K T kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Bị cáo kháng cáo phần quyết định hình phạt của bản án sơ thẩm. Lý do kháng cáo: Do hoàn cảnh của gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính duy nhất trong gia đình, phải chăm sóc mẹ già bệnh tật và nuôi con nhỏ. Bản thân thì bệnh tật đi lại khó khăn, bản án sơ thẩm xử bị cáo 13 tháng tù là quá

nặng, nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm cho bị cáo được hưởng án treo.

* Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Về tội danh bị cáo không có ý kiến gì, án sơ thẩm xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại về phần quyết định hình phạt của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo. Mặc dù, hoàn cảnh khó khăn nhưng bị cáo đã cố gắng vay mượn nộp số tiền thu lời bất chính và án phí là 70.200.000đồng. Số tiền còn lại bị cáo sẽ cố gắng thu xếp nộp nốt sau khi án xử xong. Bản thân bị cáo bị thoát vị đĩa đệm vẫn phải nằm viện, đang ở cùng mẹ già yếu trên 70 tuổi, bị bệnh tim phải đặt ten mạch vành. Bị cáo đã ly hôn nên một mình nuôi 03 con, thì 02 con bị trầm cảm, 01 con đã tự tử trong thời gian bị cáo bị bắt tạm giam 05 tháng. Hiện nay, bị cáo là lao động chính trong gia đình, mong Hội đồng xét xử xem xét chiếu cố cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội chăm sóc mẹ già và các con.

Đại diện VKSND tỉnh B thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội do các bị cáo gây ra, vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã kết luận và đề nghị HĐXX: Căn cứ điểm b khoản 1, Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Lê Thị K T. Sửa bản án sơ thẩm số 115/2020/HS-ST ngày 22/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện LG, tỉnh B.

Căn cứ điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị K T 01(một) năm 01 (một) tháng tù về tội “Mua bán trái phép hóa đơn”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 02 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 20/6/2022. Giao bị cáo T cho Ủy ban nhân dân nơi bị cáo cư trú, giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Phạt bổ sung bị cáo 10.000.000đồng để sung công quỹ nhà nước.

Xác nhận bị cáo đã nộp 70.000.000đồng tiền thu lời bất chính và 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền 31.089.698đồng.

Bị cáo T không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo T: không tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng: người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo, không bị kháng nghị và không liên quan đến việc kháng cáo nên Hội đồng xét xử không triệu tập.

[2]. Về tội danh xét xử đối với bị cáo Lê Thị K T, HĐXX xét thấy: Bị cáo đã khai nhận về toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với tang vật thu giữ được về thời gian, không gian, địa điểm nơi xảy ra vụ án và các tài liệu khác có trong hồ sơ đã có đủ cơ sở để kết luận: Trong thời gian từ tháng 9 năm 2007 đến tháng 10 năm 2018, Lê Thị K T, sinh năm 1968, trú tại số 39, tổ 35, thị trấn Đ A, huyện Đ A, thành phố HN là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần khoáng sản VP, địa chỉ tại thôn Yên Vinh, xã Yên Mỹ, huyện LG, tỉnh B và Giám đốc Công ty TNHH kinh doanh Mai Phương, địa chỉ tại tổ 6, thị trấn Sóc Sơn, huyện Sóc Sơn, thành phố HN đã có hành vi mua bán trái phép tổng số 4.908 HĐ/468.507.310.998 đồng, gồm:

Bán trái phép 4.095 HĐ/225.497.644.626 đồng (trong đó có 11 HĐ/599.834.604 đồng bán với giá 10%, còn lại 4.084 HĐ/224.897.810.022 đồng bán với giá 5,5%/tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên HĐ).

Mua trái phép 813 HĐ/243.009.666.372 đồng với giá 5% tổng giá trị hàng hóa, dịch vụ trước thuế ghi trên HĐ để kê khai hàng hóa, dịch vụ mua vào thực hiện việc quyết toán thuế.

Tổng số tiền T thu lợi từ việc mua bán trái phép HĐ là **106.089.698** đồng.

Lê Thị K T khi thực hiện hành vi phạm tội “Mua bán trái phép hóa đơn” bị cáo là người đủ tuổi, đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tội và hình phạt được quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự.

Do đó, Bản án sơ thẩm số 115/2020/HS-ST ngày 22/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện LG xét xử bị cáo “Mua bán trái phép hóa đơn” theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 203 Bộ luật hình sự là có căn cứ và đúng quy định pháp luật, không oan sai.

[3]. Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Lê Thị K T, HĐXX thấy:

[3.1]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm trật tự quản lý bình thường của Nhà nước, xâm phạm đến các quan hệ xã hội bảo đảm sự ổn định và phát triển nền kinh tế quốc dân nên cần phải xử phạt nghiêm minh đối với bị cáo.

Bị cáo nhận thức được hành vi mua bán trái phép hóa đơn là trái pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội nêu trên. Do đó cần phải xử lý về hình sự để giáo dục bị cáo trở thành công dân biết tuân thủ pháp luật.

[3.2] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.
- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.
- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có bố mẹ đẻ được Nhà nước tặng

thường huân huy chương kháng C chống Pháp và chống Mỹ cứu nước, bị cáo đã tự nguyện nộp lại số tiền 5.000.000 đồng thu lợi bất chính để khắc phục hậu quả nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Án sơ thẩm căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xét xử bị cáo với mức án 13 tháng tù là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật và không nặng.

Quá trình xét xử tại cấp phúc thẩm, bị cáo T cung cấp biên lai nộp số tiền 70.200.000 đồng gồm 70.000.000 đồng là nộp tiền thu lời bất chính và 200.000 đồng là tiền án phí hình sự sơ thẩm. Việc bị cáo nộp phần lớn số tiền thu lời bất chính theo hướng dẫn tại Công văn số 212/2019 của Tòa án nhân dân tối cao thì đây là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, cần xem xét cho bị cáo ở cấp phúc thẩm.

Việc bị cáo nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo chứ không phải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định của Bộ luật hình sự.

Bản thân bị cáo bị thoát vị đĩa đệm, con bị cáo trong thời gian bị cáo bị bắt đã tự tử, còn 02 con thì một con có dấu hiệu trầm cảm, bị cáo có mẹ già gần 80 tuổi bị bệnh tim, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Xét thấy, bị cáo là người có nhân thân tốt, sức khỏe yếu, là lao động chính trong gia đình, hoàn cảnh gia đình khó khăn, mẹ già yếu bệnh tật, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, có nơi ở rõ ràng, bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đủ điều kiện cho bị cáo được hưởng án treo theo hướng dẫn Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo. Hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo T, sửa bản án sơ thẩm: giữ nguyên mức hình phạt 13 tháng tù và cho hưởng án treo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Vì vậy, HĐXX căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Lê Thị K T. Sửa phần quyết định hình phạt của bản án sơ thẩm đối với bị cáo T.

[4] . Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Án phí phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo của bị cáo T nên theo quy định tại Điều 23- Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

1. Chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Lê Thị K T. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 115/2020/HS-ST ngày 22/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện LG, tỉnh B.

2. Về hình phạt:

Căn cứ điểm d, đ khoản 2, khoản 3 Điều 203; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị K T 01(một) năm 01(một) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Mua bán trái phép hóa đơn” thời gian thử thách là 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm 20/6/2022.

Phạt tiền 10.000.000 (mười triệu) đồng sung công quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Lê Thị K T cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ A, huyện Đ A, thành phố HN giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo Lê Thị K T thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Tịch thu số tiền bị cáo Lê Thị K T thu lợi bất chính là **106.089.698** đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

Xác nhận bị cáo đã nộp 5.000.000đồng tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện LG. Bị cáo còn phải nộp tiếp số tiền là **101.089.698**đồng.

Xác nhận tại cấp phúc thẩm bị cáo T đã nộp số tiền 70.000.000đồng theo biên lai số 0005111 ngày 20/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LG. Buộc bị cáo phải nộp tiếp số tiền **31.089.698đồng** (Ba một triệu, không trăm tám chín nghìn, sáu trăm chín tám đồng).

4. Án phí: căn cứ khoản 2, Điều 135 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23- Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Xác nhận bị cáo T đã nộp xong số tiền 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai số 0005111 ngày 20/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LG, tỉnh B.

Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- Sở tư pháp tỉnh B;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- CA, VKS, TA huyện LG;
- Chi cục THADS huyện LG, B;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Thị Hải Hương Hoàng Thị Thu Hiền

Trần Thị Hà

